

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số: 99/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 giữa:

\* *Nguyên đơn*: Chị **Tăng Ngọc N**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

\* *Bị đơn*: Anh **Tô Thanh T**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp L, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Tăng Ngọc N và bị đơn anh Tô Thanh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Con chung: Giao con chung là cháu Tô Tăng Bảo V, sinh ngày 09/01/2018 cho chị Tăng Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Tô Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng mỗi tháng) cho đến khi cháu Tô Tăng Bảo V đủ 18 tuổi.

Bị đơn anh Tô Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Quyền và nghĩa vụ về tài sản, nợ: Nguyên đơn chị Tăng Ngọc N và bị đơn anh Tô Thanh T không yêu cầu nên miễn xét.

3. Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, lai số N<sup>0</sup> 0007021 ngày 29 tháng 3 năm 2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được qui định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận :**

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện ;*
- *UBND xã C;*
- *Chi cục THA.DS huyện MT;*
- *Phòng KTNV&THA TAT;*
- *Lưu HS.*

**THẨM PHÁN**

*(Đã ký)*

**Huỳnh Công Hảo**